

GIẢI QUYẾT ÁN HÌNH SỰ THEO THỦ TỤC RÚT GỌN- THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

*Nguyễn Văn Quảng**

Thủ tục rút gọn là một thủ tục tố tụng hình sự đặc biệt được áp dụng trong giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm để giải quyết các vụ án phạm tội quả tang, đơn giản, chứng cứ rõ ràng, tội phạm đã thực hiện là ít nghiêm trọng, người phạm tội có can cước, lai lịch rõ ràng.

Áp dụng thủ tục rút gọn khi giải quyết các vụ án hình sự nhằm đẩy nhanh quá trình giải quyết một vụ án, nhanh chóng đưa người phạm tội ra xét xử trước pháp luật, kịp thời khôi phục lại các trật tự xã hội bị xâm phạm, bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trong tố tụng hình sự. Cơ quan có thẩm quyền quyết định việc áp dụng thủ tục rút gọn là Viện kiểm sát. Tuy nhiên, thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử trong thời gian qua (từ 01/7/2004 khi Bộ luật Tố tụng Hình sự 2003 có hiệu lực) cho thấy dường như thủ tục rút gọn chưa đi vào được “đời sống” tố tụng hình sự, nó không phát huy đúng vai trò và tác dụng như mục tiêu mà Bộ luật Tố tụng Hình sự (BLTTHS) năm 2003 đã đặt ra.

Do thủ tục rút gọn chỉ áp dụng đối với các vụ án đơn giản và tội phạm đã thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng nên thẩm quyền giải quyết án hình sự theo thủ tục rút gọn chủ yếu là ở cấp quận, huyện. Nhưng nghiên cứu số liệu, thụ lý của 14 đơn vị cấp quận, huyện trên địa bàn thành phố Hải Phòng (địa phương luôn có số lượng án hình sự lớn thứ 3 trong toàn quốc) cho thấy: năm 2004 chỉ có 07 vụ án hình sự được giải quyết theo thủ tục rút gọn; năm 2005 có 30 vụ án rút gọn; năm 2006 có 40 vụ án rút gọn; năm 2007 có 37 vụ án rút gọn.

Trong tổng số các vụ án rút gọn đã được giải quyết tại Hải Phòng nổi lên một số đặc điểm cơ bản như sau: 97% các vụ án được áp

dụng thủ tục rút gọn là với tội phạm trộm cắp tài sản (ngoài ra chỉ có 02 vụ lừa đảo, 01 vụ dâm ô với trẻ em); các bị can phần lớn đều có tiền án, tiền sự (có 25 bị can có tiền sự, 30 bị can có tiền án, 08 bị can có cả tiền án, tiền sự và trong đó có nhiều bị can có từ 02 tiền án trở lên); hầu hết các bị can đều bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam (chỉ có 06 bị can áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú); phần lớn số vụ án rút gọn chỉ có 01 bị can (có 02 vụ án có số lượng 02 bị can trong một vụ án); có 01 vụ sau khi áp dụng thủ tục rút gọn phải huỷ do phát hiện ra đồng phạm khác, có 01 vụ án phải huỷ do Toà án trả lại hồ sơ; trong xét xử, quan điểm giữa Viện kiểm sát và Toà án là thống nhất về tội danh và mức án, sau xét xử không có kháng cáo, kháng nghị.

Tính trung bình hàng năm số vụ hình sự được giải quyết theo thủ tục rút gọn là rất ít chỉ chiếm khoảng gần 2% tổng số vụ án hình sự đã được 14 Viện kiểm sát quận, huyện giải quyết, số liệu này chưa phản ánh đúng với diễn biến của tình hình tội phạm đã xảy ra (có đến 50% số án ở quận, huyện thụ lý là án ít nghiêm trọng, quả tang). Mặt khác, trong cùng một điều kiện pháp lý, đặc điểm tội phạm giống nhau nhưng việc giải quyết án rút gọn lại không được thực hiện đồng bộ ở các đơn vị, có đơn vị làm được nhiều, có đơn vị làm ít, ví dụ: năm 2004 chỉ có 5/14 đơn vị có án rút gọn; năm 2003 có 7/14 đơn vị có án rút gọn; năm 2006 có 10/14 đơn vị có án rút gọn. Số án rút gọn chủ yếu tập trung ở một số đơn vị như: Lê Chân, Kiến An, Thuỷ Nguyên, Hồng Bàng, Ngô Quyền, Hải An còn nhiều đơn vị khác thực hiện các loại án này rất ít, thậm chí có đơn vị bốn năm qua không có vụ án rút gọn nào như: Đồ Sơn, An Dương, Tiên Lãng, An Lão.

Đây cũng là một thực trạng chung ở nhiều địa phương trong cả nước chứ không

* Phó Viện trưởng, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hải Phòng

phải riêng Hải Phòng, ví dụ: tại Bình Định từ 01/7/2004 đến tháng 4/2006, các cơ quan tiến hành tố tụng chỉ khởi tố điều tra, truy tố, xét xử 05 vụ theo thủ tục rút gọn chiếm tỷ lệ 0,65% so với án đã khởi tố (chủ yếu là án trộm cắp tài sản) và cũng chỉ có 3/11 huyện, thành phố thuộc tỉnh thực hiện việc này¹.

Đi sâu tìm hiểu nguyên nhân của tình trạng trên cho thấy có rất nhiều nguyên nhân trong đó nổi lên là vấn đề những người tiến hành tố tụng không có nhận thức thống nhất, đúng đắn và đầy đủ về mục đích, ý nghĩa, phạm vi, điều kiện, thẩm quyền của việc áp dụng thủ tục rút gọn trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự (vấn đề này đã được chúng tôi đề cập trong bài viết “*Bàn về phạm vi, điều kiện và thẩm quyền áp dụng thủ tục rút gọn theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2003*” đăng trên Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 5/2008), ngoài ra là các nguyên nhân thuộc về công tác chỉ đạo điều hành, hướng dẫn giải thích pháp luật của các cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, có một nguyên nhân cơ bản dẫn tới số lượng án rút gọn được giải quyết không nhiều và chất lượng án rút gọn chưa tốt trong thực tiễn chính là tâm lý “ngại việc” của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán. Mặt khác, giữa thủ tục rút gọn và thủ tục chung có những khác biệt rất cơ bản nên trong thực tiễn thường phát sinh nhiều khó khăn, vướng mắc khi áp dụng thủ tục này. Sau đây, chúng tôi sẽ phân tích làm rõ những vấn đề nêu trên trong từng giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử theo thủ tục rút gọn, để làm sáng tỏ những vướng mắc trong thực tiễn.

1. Trong giai đoạn điều tra theo thủ tục rút gọn

Một trong những sự khác nhau căn bản giữa việc điều tra theo thủ tục chung với điều tra theo thủ tục rút gọn chính là thời hạn điều tra và thời hạn tạm giam. Theo quy định của khoản 1 Điều 321 BLTTHS 2003 thì thời hạn điều tra theo thủ tục rút gọn là 12 ngày, kể từ

ngày ra quyết định khởi tố vụ án. Đây là một thời hạn rất ngắn, đòi hỏi Cơ quan điều tra phải hết sức tích cực để hoàn thành hồ sơ vụ án. Bởi vì, theo nguyên tắc chung Cơ quan điều tra phải tiến hành các hoạt động điều tra để làm rõ những yêu cầu cần phải chứng minh trong một vụ án hình sự, cụ thể: phải tiến hành các hoạt động xác minh căn cước, lai lịch bị can, trích lục và xác minh tiền án, tiền sự (nếu có); quyết định khởi tố bị can, tiến hành hỏi cung bị can; ghi lời khai nhân chứng, bị hại và giải quyết các vấn đề có liên quan khác như: xử lý vật chứng, yêu cầu bồi thường thiệt hại... giống như một vụ án thông thường. Mặt khác, các thủ tục hành chính trong tố tụng hình sự cũng rất rườm rà và mất nhiều thời gian, như các văn bản báo cáo đề xuất, thủ tục lăn tay, lập danh chỉ bản, đề nghị trích lục tàng thư căn cước..., trong khi thực tế ngày làm việc trong tuần chỉ có 05 ngày.

Theo quy định của Điều 322 BLTTHS 2003, khi áp dụng thủ tục rút gọn vẫn có thể áp dụng các biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam đối với bị can để phục vụ việc điều tra, truy tố, xét xử. Nhưng căn cứ, thẩm quyền và thủ tục tạm giữ, tạm giam phải được áp dụng theo quy định chung của BLTTHS; riêng về thời hạn tạm giữ chỉ được 03 ngày và thời hạn tạm giam áp dụng cho cả giai đoạn điều tra, truy tố không được quá 16 ngày. Như vậy, thời hạn tạm giam trong quá trình điều tra không được quá 12 ngày (vì thời hạn điều tra chỉ được 12 ngày). Nếu áp dụng thời hạn tạm giữ (03 ngày) xong mới khởi tố vụ án và áp dụng biện pháp tạm giam thì thời hạn giam tiếp theo chỉ được 09 ngày (vì phải trừ đi 3 ngày tạm giữ). Do đó, thời hạn điều tra thực tế phải bám theo thời hạn tạm giam đối với bị can. Ví dụ: ngày 07/9/2007, Nguyễn Văn A bị bắt quả tang khi đang trộm cắp xe máy, A bị tạm giữ 03 ngày kể từ ngày 07/9/2007 đến ngày 10/9/2007. Sau đó, ngày 10/9/2007 Cơ quan điều tra khởi tố vụ án, khởi tố bị can và Viện kiểm sát ra quyết định áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết vụ án. Nếu phải áp dụng biện pháp tạm giam thì thời hạn tạm giam để phục vụ việc điều tra và truy tố không được quá 13 ngày. Điều này có

¹ Nguyễn Xuân Thanh, Bàn về áp dụng thủ tục rút gọn ở cấp huyện theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003, Tạp chí Kiểm sát, số 17/2006.

nghĩa thời hạn điều tra và thời hạn tạm giam của Cơ quan điều tra trong trường hợp này chỉ được phép trong 09 ngày (vì thời hạn tạm giam và truy tố của Viện kiểm sát là 04 ngày). Đây là thời hạn rất ngắn để Cơ quan điều tra hoàn thành hồ sơ vụ án.

Chính vì vậy, các Điều tra viên có tâm lý rất ngại làm án rút gọn nên không đề xuất với lãnh đạo để có văn bản đề nghị Viện kiểm sát ra quyết định áp dụng thủ tục rút gọn, mặc dù vụ án đó có đủ điều kiện. Nếu có sự tác động của Viện kiểm sát hay phải làm để đạt “chỉ tiêu” thì các Điều tra viên và Kiểm sát viên thường thống nhất chọn các vụ án “thật dễ” mang tính “truyền thống”. Điều này lý giải vì sao có tới 97% số án giải quyết là tội phạm trộm cắp tài sản mà không chọn các loại tội phạm khác.

Để khắc phục tình trạng trên, chúng tôi thấy cần phải sửa đổi Bộ luật Tố tụng Hình sự theo hướng: thẩm quyền quyết định áp dụng thủ tục rút gọn thuộc về Cơ quan điều tra (Viện kiểm sát có quyền yêu cầu hoặc tự mình ra quyết định áp dụng thủ tục rút gọn khi Cơ quan điều tra không áp dụng) và đối với một số tội phạm cụ thể mà có đủ điều kiện thì bắt buộc áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết (quy định như hiện nay là sự tùy nghi của các cơ quan tố tụng). Nếu sau đó vụ án có những tình tiết phức tạp thì Viện kiểm sát sẽ huỷ bỏ thủ tục này trên cơ sở đề nghị của Cơ quan điều tra.

Trong quá trình xem xét áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với bị can, bị cáo trong các vụ án giải quyết theo thủ tục rút gọn thường gặp nhiều vướng mắc và có sự mâu thuẫn giữa quy định của tố tụng với thực tiễn, cụ thể là: xét về 04 điều kiện của việc áp dụng thủ tục rút gọn (phạm tội quả tang, chứng cứ rõ ràng, tội phạm ít nghiêm trọng, căn cứ lai lịch rõ ràng) và theo quy định của Điều 88 BLTTHS 2003 (căn cứ để tạm giam) thì dường như các bị can trong các vụ án rút gọn không đủ điều kiện để tạm giam và mức án khi xét xử cũng chỉ dừng lại ở án treo hoặc cải tạo không giam giữ. Tuy nhiên, thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử cho thấy không hoàn toàn là như vậy, mà trái lại các

bị can, bị cáo trong các vụ án rút gọn ở Hải Phòng hầu hết đều bị áp dụng biện pháp tạm giam và phần lớn bị áp dụng hình phạt tù. Số liệu thống kê cho thấy: trong số 93 bị can áp dụng thủ tục rút gọn thì cả 93 bị can này đều bị tạm giữ, sau đó có 87 bị can bị tạm giam (chiếm 93,5%), còn lại chỉ có 06 bị can áp dụng biện pháp ngăn chặn khác (chủ yếu là cấm đi khỏi nơi cư trú) và khi xét xử 87 bị cáo đã bị phạt tù giam từ 03 đến 18 tháng, còn có 04 bị cáo được hưởng án treo, 02 bị cáo bị phạt cải tạo không giam giữ.

Nguyên nhân để lý giải cho vấn đề trên là: *thứ nhất*, do thời hạn điều tra rất ngắn, nếu để các bị can tại ngoại thì gặp rất nhiều khó khăn khi giải quyết vì liên quan đến các thủ tục như triệu tập bị can để lấy lời khai, tổng đạt các quyết định... chỉ cần bị can vắng mặt một lần là đã mất thời gian và ảnh hưởng tới thời hạn giải quyết vụ án; chính vì vậy tâm lý của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán là muốn bị can có đủ điều kiện để tạm giam thì mới thuận lợi cho việc điều tra, truy tố, xét xử; *thứ hai*, do các cơ quan tố tụng chọn các vụ án chủ yếu là các tội phạm trộm cắp tài sản, bị bắt quả tang để làm án rút gọn, mà các đối tượng trộm cắp bị bắt quả tang hiện nay chủ yếu là những đối tượng nghiện ma tuý, hoặc nhân thân đã có tiền án, tiền sự hoặc chưa có tiền án, tiền sự cũng là những đối tượng bỏ nhà lang thang, không có nơi ở cố định... những đối tượng như vậy có thể thoả mãn các điều kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 BLTTHS 2003 “*phạm tội ít nghiêm trọng... và có căn cứ cho rằng người đó có thể trốn hoặc cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc tiếp tục phạm tội*”.

Đây là 02 nguyên nhân nhưng cũng trở thành “tiêu chí” khi lựa chọn án rút gọn của các cơ quan tiến hành tố tụng trong thực tiễn hiện nay, điều này cũng lý giải vì sao án rút gọn ít áp dụng với các bị can, bị cáo tại ngoại hoặc không áp dụng với bị can, bị cáo là người chưa thành niên. *Do đó, chúng tôi thấy vấn đề này cần được nghiên cứu để sửa đổi bổ sung cho đầy đủ và chặt chẽ trong BLTTHS, hoặc cần có sự hướng dẫn một cách cụ thể bằng các thông tư liên tịch.*

Cũng như đối với các vụ án hình sự khác sau khi kết thúc việc điều tra, Cơ quan điều tra có quyền ra các quyết định như: tạm đình chỉ điều tra theo quy định của Điều 160 BLTTHS 2003; truy nã bị can theo quy định của Điều 161 BLTTHS 2003, đình chỉ điều tra khi có căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 164 BLTTHS 2003. Chỉ có một sự khác biệt cơ bản là: khi kết thúc điều tra vụ án và đề nghị truy tố theo thủ tục rút gọn, Cơ quan điều tra không phải làm Bản kết luận điều tra như trong thủ tục tố tụng chung mà chỉ phải ra Quyết định đề nghị truy tố và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát (khoản 2 Điều 321 BLTTHS 2003). Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy quyết định đề nghị truy tố không có hướng dẫn về hình thức và nội dung nên mỗi nơi có cách viết khác nhau hoặc là viết dài dòng như Bản kết luận điều tra, ngược lại thì quá ngắn gọn, bị can nhận được quyết định đề nghị truy tố không biết được các nội dung cụ thể của hành vi và các tình tiết khác của vụ án nên đã làm hạn chế đến quyền bào chữa của bị can. *Do đó, Bộ Công an cần có hướng dẫn về mẫu của quyết định đề nghị truy tố theo thủ tục rút gọn.*

Một vấn đề khác đặt ra là khi Cơ quan điều tra ra quyết định tạm đình chỉ điều tra hoặc khi vụ án có những tình tiết phức tạp cần mở rộng điều tra, cần chứng minh các đồng phạm khác, thì thủ tục rút gọn được giải quyết như thế nào? Có huỷ bỏ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn không? Nếu huỷ bỏ thì ai là người có thẩm quyền và trình tự giải quyết như thế nào?... những vấn đề trên, chưa được quy định rõ trong BLTTHS 2003, nên trong thực tiễn các cơ quan tiến hành tố tụng đang vận dụng khoản 1 Điều 320, khoản 2 Điều 323 để giải quyết: nếu gặp những tình huống trên thì Cơ quan điều tra có văn bản đề nghị Viện kiểm sát ra quyết định huỷ bỏ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn. *Mặc dù vậy, để đảm bảo tính thống nhất và chặt chẽ trong áp dụng pháp luật thì cần phải có các quy định cụ thể về vấn đề này, cùng với việc quy định rõ các quyết định của Cơ quan điều tra khi kết thúc điều tra một vụ án rút gọn (giống như cách quy định về thẩm quyền của Viện kiểm*

sát, Toà án tại Điều 323 và Điều 324 BLTTHS 2003).

2. Trong giai đoạn truy tố theo thủ tục rút gọn

Thời hạn để Viện kiểm sát giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn chỉ có 04 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ án (khoản 1 Điều 323 BLTTHS 2003); trong thời gian đó Viện kiểm sát vẫn sử dụng các biện pháp ngăn chặn đối với bị can như trong giai đoạn điều tra. Vì nếu cần áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam thì Viện kiểm sát đã phải phê chuẩn thời hạn tạm giam cả giai đoạn điều tra và truy tố với tổng số là 16 ngày; nếu thấy cần áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác thì Viện kiểm sát đã phải kiểm sát tính có căn cứ trong quá trình điều tra.

Thông thường, trong thời gian 04 ngày hồ sơ ở Viện kiểm sát chỉ đủ để Viện kiểm sát xem xét quyết định đường lối xử lý vụ án. Do đó, thực tế làm án rút gọn, Kiểm sát viên phải theo sát quá trình điều tra ngay từ khi ban hành quyết định áp dụng thủ tục rút gọn giải quyết vụ án; đề ra yêu cầu điều tra và phối hợp với điều tra viên trong quá trình thu thập tài liệu chứng cứ; kiểm sát viên phải nghiên cứu hồ sơ ngay trước khi kết thúc điều tra, đảm bảo hồ sơ chuyển Viện kiểm sát phải đầy đủ về thủ tục tố tụng và chứng cứ, tránh việc hồ sơ phải hoàn trả lại do thiếu chứng cứ hoặc có vi phạm về thủ tục tố tụng.

Trong thời hạn 04 ngày, Viện kiểm sát phải xem xét ban hành một trong bốn quyết định sau đây:

Thứ nhất: Truy tố bị can trước Toà án bằng Quyết định truy tố (đây là điểm khác so với giải quyết án theo thủ tục chung là truy tố bằng Bản cáo trạng). Nội dung Quyết định truy tố giản lược rất nhiều so với nội dung Bản cáo trạng; Quyết định truy tố có thể thức giống như một quyết định cá biệt trong tố tụng hình sự, trong đó thể hiện những căn cứ để Viện kiểm sát quyết định truy tố một người có lý lịch và hành vi phạm tội cụ thể, ra trước Toà án cùng cấp để xét xử theo tội danh được quy định trong Bộ luật Hình sự. Kèm theo Quyết định truy tố là toàn bộ hồ sơ vụ án.

Thứ hai: Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can nếu có căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 169 BLTTHS 2003.

Thứ ba: Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, nếu có những căn cứ quy định tại Điều 168 BLTTHS 2003. Trong trường hợp Viện kiểm sát tạm đình chỉ vụ án hoặc trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung thì Viện kiểm sát phải ra quyết định huỷ bỏ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn và vụ án được giải quyết theo thủ tục chung vì khi đó đã mất đi các điều kiện để áp dụng thủ tục rút gọn.

Thứ tư: Quyết định đình chỉ điều tra khi có những căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 105 BLTTHS 2003 hoặc tại Điều 19, Điều 25 và khoản 2 Điều 69 Bộ luật Hình sự (thực tế không xảy ra việc Viện kiểm sát đình chỉ vụ án rút gọn theo Điều 107 BLTTHS 2003 quy định những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự vì các điều kiện để áp dụng thủ tục rút gọn đã thể hiện rõ người đó phải có hành vi phạm tội và đủ yếu tố cấu thành tội phạm).

Vấn đề đáng chú ý trong giai đoạn truy tố theo thủ tục rút gọn chính là quyết định truy tố. Đây là một dạng của quyết định cá biệt nên đòi hỏi phải ngắn gọn, tuy nhiên là một văn bản truy tố một con người ra trước pháp luật, do vậy phải đảm bảo phản ánh được những yêu cầu cơ bản như: thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm; hành vi phạm tội; ai là người thực hiện; bị truy tố về tội gì; theo điều, khoản nào của Bộ luật Hình sự. Nhưng thực tế phần nội dung của Quyết định truy tố hiện nay là không thống nhất. Có những quyết định truy tố viết giống như nội dung bản cáo trạng và ngược lại thì có quyết định viết quá sơ sài với nội dung “*trên cơ sở kết quả điều tra*” sau đó là phần quyết định truy tố đối với bị can và viện dẫn tội danh, điều luật truy tố. Điều này không đúng với yêu cầu của một quyết định truy tố, mà còn ảnh hưởng tới quyền bào chữa của bị can, bị cáo vì họ không biết lý do bị truy tố là gì, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ ra sao để chuẩn bị cho việc bào chữa tại phiên tòa. *Chính vì vậy, việc chuẩn hoá về nội dung và hình thức của các quyết định tố tụng nói*

chung và quyết định truy tố nói riêng trong thủ tục rút gọn là cần thiết để đảm bảo vừa ngắn gọn nhưng phải đầy đủ về nội dung.

3. Trong giai đoạn xét xử theo thủ tục rút gọn

Điều 324 BLTTHS 2003 quy định về việc xét xử vụ án theo thủ tục rút gọn, theo đó trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ án, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa phải nghiên cứu hồ sơ vụ án và ban hành 01 trong 04 quyết định sau đây: *thứ nhất*, đưa vụ án ra xét xử; *thứ hai*, trả hồ sơ để điều tra bổ sung; *thứ ba*, tạm đình chỉ vụ án; *thứ tư*, đình chỉ vụ án.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nếu xét thấy cần thiết phải tiếp tục tạm giam bị can (hoặc bắt tạm giam bị can đang tại ngoại) thì thời hạn tạm giam không được quá 14 ngày.

Trong trường hợp đưa vụ án ra xét xử, thì trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày ra quyết định, Tòa án phải mở phiên tòa để xét xử vụ án. Như vậy, tổng thời gian giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn từ khi khởi tố vụ án đến khi xét xử là 30 ngày, tương ứng với thời gian tạm giam tối đa không quá 30 ngày (16 ngày ở giai đoạn điều tra, truy tố và 14 ngày ở giai đoạn chuẩn bị xét xử). Nếu so với thời gian điều tra, thời hạn truy tố thì thời gian chuẩn bị xét xử là dài hơn và không có nhiều vướng mắc lớn.

Trong trường hợp Tòa án quyết định trả lại hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung hoặc tạm đình chỉ vụ án, thì Tòa án chuyển lại hồ sơ cho Viện kiểm sát và vụ án được giải quyết theo thủ tục chung.

Việc đình chỉ điều tra vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử được thực hiện theo quy định của Điều 180 BLTTHS 2003.

Các hoạt động khác của giai đoạn chuẩn bị xét xử một vụ án rút gọn giống như các vụ án thông thường.

Để đảm bảo tính chặt chẽ và khách quan của việc ra các bản án, quyết định cuối cùng của Tòa án thì tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án rút gọn được tiến hành theo đúng trình tự của một phiên tòa hình sự thông thường với đầy đủ các bước: thủ tục bắt đầu phiên tòa, xét hỏi, luận tội, tranh luận, nghị án và

tuyên án. Chỉ có một điểm khác biệt duy nhất so với phiên tòa thông thường là kiểm sát viên không đọc Bản Cáo trạng mà đọc Quyết định truy tố bị cáo trước tòa.

Việc ban hành các quyết định, bản án tại phiên tòa sơ thẩm được thông qua tại phòng nghị án và thực hiện theo các quy định chung của BLTTHS 2003.

Như vậy, so với thủ tục xét xử các vụ án thông thường thì xét xử các vụ án rút gọn chỉ khác về thời gian chuẩn bị xét xử, thời gian mở phiên tòa và kéo theo đó là thời hạn tạm giam. Tại phiên tòa, kiểm sát viên đọc Quyết định truy tố. *Do đó, qua thực tiễn có ý kiến cho rằng cần nghiên cứu để giản lược hơn nữa thủ tục xét xử các vụ án rút gọn như: chỉ cần 01 Thẩm phán mà không cần phải có 02 Hội thẩm nhân dân như thủ tục chung; điều*

này có nghĩa không cần phải nghị án và nội dung bản án cũng cần giản lược giống nội dung Quyết định đề nghị truy tố của Cơ quan điều tra và Quyết định truy tố của Viện kiểm sát... Chúng tôi thấy vấn đề này có rất nhiều điểm hợp lý cần được nghiên cứu và xem xét trong quá trình sửa đổi BLTTHS trong thời gian tới.

Từ những phân tích, đánh giá thực trạng và những khó khăn vướng mắc trong thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử theo thủ tục rút gọn cho thấy vấn đề này đặt ra rất nhiều yêu cầu cần được nghiên cứu một cách đầy đủ và toàn diện cả về phương diện lý luận và thực tiễn để thủ tục rút gọn trong tố tụng hình sự ngày càng được hoàn thiện và thực sự phát huy tác dụng trong thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm ở nước ta.

(Tiếp theo trang 62- Hoàn thiện quy định về chế tài...)

hình phạt này nên dao động ở khoảng từ 5 năm đến 9 năm. Ngoài ra, hình phạt tù chung thân và hình phạt tử hình là những hình phạt đặc biệt có tính nghiêm khắc rất cao, vì vậy, việc qui định hình phạt tù có thời hạn với mức tối thiểu là 10 năm hoặc 12 năm như nhiều khung hình phạt trong BLHS hiện hành (31 khung hình phạt) là không hợp lý. Về vấn đề này, chúng tôi đồng tình với quan điểm cho rằng chỉ nên qui định loại hình phạt tù chung thân và hình phạt tử hình trong các khung hình phạt có mức hình phạt thấp nhất của khung là từ 15 năm tù trở lên². Cách qui định này sẽ làm giảm khoảng cách quá lớn giữa những loại hình phạt có tính cưỡng chế rất khác nhau là tù có thời hạn, tù chung thân và tử hình. Tuy nhiên, những kiến nghị về việc điều chỉnh khung hình phạt như trên của chúng tôi không đồng nghĩa với việc thu hẹp khung hình phạt đến mức làm ảnh hưởng đến khả năng cá thể hóa hình phạt trong thực tiễn. Vì vậy, chúng tôi không đồng tình với ý kiến cho rằng nên tách hình phạt tù chung thân và

hình phạt tử hình để qui định thành khung hình phạt độc lập, không qui định chung những hình phạt này với hình phạt tù có thời hạn. Rõ ràng, đây là hai loại hình phạt đặc biệt mà xuất phát từ nhiều lí do khác nhau chúng chỉ nên được áp dụng trong những trường hợp cần thiết. Nếu chỉ qui định hai loại hình phạt này trong sự lựa chọn với nhau thì cấu thành tội phạm được xây dựng sẽ phải vừa rất cụ thể để tránh bị lạm dụng, vừa rất hẹp để phù hợp với tinh thần cải cách tư pháp. Khung hình phạt như vậy vừa không đáp ứng yêu cầu về tính khoa học và tính hợp lí.

Việc xây dựng và hoàn thiện các qui định về khung hình phạt của tội phạm theo hướng phù hợp với tính nguy hiểm của tội phạm và có khoảng cách giữa mức tối thiểu và mức tối đa hợp lý như phân tích ở trên chắc chắn sẽ tạo ra cơ sở pháp lí phù hợp để cơ quan áp dụng luật có thể quyết định loại và mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và nhân thân người phạm tội, hạn chế được tình trạng lạm dụng các loại hình phạt có tính cưỡng chế cao trong khi nếu áp dụng các hình phạt nhẹ hơn vẫn có thể đạt được mục đích cần thiết.

² Trương Minh Mạnh (2003), *Phân loại tội phạm theo Luật hình sự Việt Nam*. Luận án Tiến sĩ Luật học. Viện Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội, tr.139